

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế	Cộng
Số dư đầu năm nay	22.000.000.000	2.294.591.369	0	24.294.591.369
Tăng trong năm nay	0	0	2.243.111.311	2.243.111.311
Lãi trong năm nay			2.243.111.311	2.243.111.311
Phân phối lợi nhuận				0
Giao dịch CP quỹ				0
Góp vốn bằng tiền				0
Giảm trong năm nay	0	0	(923.111.311)	(923.111.311)
Giảm khác				0
Trích quỹ đầu tư PT				0
Trả cổ tức				0
Trích quỹ KT, PL			(923.111.311)	(923.111.311)
Số dư cuối năm nay	22.000.000.000	2.294.591.369	1.320.000.000	25.614.591.369

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Đầu năm
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	14.164.000.000	14.164.000.000
Cổ đông khác	7.836.000.000	7.836.000.000
<b>Cộng</b>	<b>22.000.000.000</b>	<b>22.000.000.000</b>

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	22.000.000.000	22.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	0	0
Vốn góp giảm trong năm	0	0
Vốn góp cuối năm	22.000.000.000	22.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	0	1.100.000.000

d. Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.200.000	2.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.200.000	2.200.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.200.000	2.200.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0
Số lượng cổ phiếu được mua, bán lại	0	0
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.200.000	2.200.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.200.000	2.200.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	0	0

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP

<b>e. Các quỹ của doanh nghiệp</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
- Quỹ đầu tư phát triển	2.294.591.369	2.294.591.369
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	0	0
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	0	0
<b>Cộng</b>	<b>2.294.591.369</b>	<b>2.294.591.369</b>

<b>f. Phân phối lợi nhuận</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Ghi chú</b>
Lợi nhuận đầu năm chưa phân phối	0	(1)
Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh năm nay	2.243.111.311	(2)
Các khoản khác điều chỉnh giảm lợi nhuận	0	(3)
Các khoản khác điều chỉnh tăng lợi nhuận	0	(4)
Lợi nhuận được chia cổ tức và phân phối các quỹ trong năm	2.243.111.311	(5) = (1) + ... + (4)
Phân phối các quỹ và chia cổ tức, trong đó:	(923.111.311)	(6) = (7) + (8) + (9)
- Trích quỹ đầu tư phát triển	0	(7)
- Chia cổ tức năm nay	0	(8)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(923.111.311)	(9)
<b>Lợi nhuận còn lại chưa phân phối</b>	<b>1.320.000.000</b>	(10) = (5) + (6)

<b>16. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
a. Tài sản thuê ngoài	0	0
b. Tài sản nhận giữ hộ	0	0
c. Ngoại tệ các loại (USD)	80.205,66	2.180,61
d. Vàng tiền tệ	0	0
d. Nợ khó đòi đã xử lý	0	0

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<b>01. Tổng Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>a. Doanh thu</b>	<b>77.951.292.191</b>	<b>85.479.013.623</b>
Doanh thu bán hàng nội địa	36.226.686.151	39.348.033.322
Doanh thu bán hàng xuất khẩu	40.999.046.342	45.494.137.061
Doanh thu hàng quảng cáo	24.203.678	636.843.240
Doanh thu khác	701.356.020	0
<b>b. Doanh thu đối với các bên liên quan</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>Cộng</b>	<b>77.951.292.191</b>	<b>85.479.013.623</b>

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>02. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Giảm giá hàng bán	0	0
Hàng bán trả lại	118.208.261	623.500.751
Chiết khấu thương mại	3.584.782.317	3.257.451.383
<b>Cộng</b>	<b><u>3.702.990.578</u></b>	<b><u>3.880.952.134</u></b>
<b>03. Giá vốn hàng bán</b>		
Giá vốn của thành phẩm, hàng hoá đã bán	57.539.803.727	63.961.420.200
Giá vốn hàng quảng cáo	14.291.156	362.779.658
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	0	0
<b>Cộng</b>	<b><u>57.554.094.883</u></b>	<b><u>64.324.199.858</u></b>
<b>04. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.351.593	9.760.756
Lãi chênh lệch tỷ giá	604.919.093	153.772.373
Doanh thu hoạt động tài chính khác	0	0
<b>Cộng</b>	<b><u>611.270.686</u></b>	<b><u>163.533.129</u></b>
<b>05. Chi phí tài chính</b>		
Lãi tiền vay	1.244.964.443	1.071.829.886
Lỗ chênh lệch tỷ giá	11.851.433	24.302.805
Chi phí tài chính khác	0	2.224.565
<b>Cộng</b>	<b><u>1.256.815.876</u></b>	<b><u>1.098.357.256</u></b>
<b>06. Thu nhập khác</b>		
Cho thuê đặt biển quảng cáo	0	0
Thu thanh lý TSCĐ	0	22.727.273
Kết chuyển công nợ không phải trả	29.344.064	15.364
Tài sản thừa đã xử lý	11.267.873	0
Thu nhập khác	0	105.454.545
<b>Cộng</b>	<b><u>40.611.937</u></b>	<b><u>128.197.182</u></b>
<b>07. Chi phí khác</b>		
Các khoản chi chậm nộp thuế	3.423.467	133.415.311
Truy thu thuế năm trước	0	71.736.578
Phạt vi phạm hành chính	318.226	66.600.000
Chi phí khác	12.261.922	91.510.186
<b>Cộng</b>	<b><u>16.003.615</u></b>	<b><u>363.262.075</u></b>

<b>08. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Ghi chú</b>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	2.924.274.136	(1)
Loại trừ thu nhập khi tính thuế TNDN	0	(2)
Các khoản loại trừ ra khỏi chi phí tính thuế TNDN	171.920.525	(3)
Lợi nhuận tính thuế hoạt động SXKD không được ưu đãi	3.096.194.661	(4) = (1) + (2) + (3)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	22%	(5)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm nay	<b>681.162.825</b>	(a) = (4) x (5)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp đầu năm	626.466.707	(b)
Thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu các năm trước	0	(c)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(1.038.966.707)	(d)
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm</b>	<b>268.662.825</b>	<b>(e)=(a)+(b)+(c)+(d)</b>

<b>09. Lãi trên cổ phiếu</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.243.111.311	1.937.807.510
Ảnh hưởng suy giảm	923.111.311	1.141.497.599
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm</b>	<b>1.320.000.000</b>	<b>796.309.911</b>
Bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi trên cổ phiếu	2.200.000	2.200.000
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu thường	0	0
Bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) được điều chỉnh để tính lãi trên cổ phiếu	2.200.000	2.200.000
Lãi trên cổ phiếu		
- Lãi cơ bản	600	362
- Lãi suy giảm	600	362

### VIII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

#### 01. Những khoản nợ tiềm tàng

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa ghi nhận.

#### 02. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

#### 03. Thông tin hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

**04. Báo cáo bộ phận**

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý được quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn thực hiện sáu (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**05. Công cụ tài chính****Các loại công cụ tài chính của Công ty**

A. Tài sản tài chính	Giá trị sổ sách			
	Đầu năm		Cuối năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và tương đương tiền	1.932.518.097	0	4.157.700.418	0
Phải thu khách hàng, phải thu khác	20.635.980.301	0	17.186.528.839	(485.433.279)
<b>Cộng</b>	<b>22.568.498.398</b>	<b>0</b>	<b>21.344.229.257</b>	<b>(485.433.279)</b>

B. Nợ phải trả tài chính	Giá trị sổ sách	
	Đầu năm	Cuối năm
	Phải trả người bán, phải trả khác	6.409.044.620
Chi phí phải trả	0	32.709.000
Vay và nợ	12.311.000.000	13.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>18.720.044.620</b>	<b>21.360.474.822</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**a. Rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

- *Rủi ro về giá:* Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

- *Rủi ro về tỷ giá hối đoái:* Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÈ THAO NGÔI SAO GERU**

Số 1/1 Tân Kỳ Tân Quý, Q.Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

- *Rủi ro về lãi suất:* Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**b. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động đồng sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Tại ngày đầu năm	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Tổng cộng
Tiền và tương đương tiền	1.932.518.097			1.932.518.097
Phải thu khách hàng, phải thu khác	20.635.980.301			20.635.980.301
<b>Cộng</b>	<b>22.568.498.398</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>22.568.498.398</b>
Tại ngày cuối năm	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Tổng cộng
Tiền và tương đương tiền	4.157.700.418			4.157.700.418
Phải thu khách hàng, phải thu khác	17.186.528.839			17.186.528.839
<b>Cộng</b>	<b>21.344.229.257</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>21.344.229.257</b>

**c. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

Tại ngày đầu năm	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán, phải trả khác	6.409.044.620			6.409.044.620
Vay và nợ	12.311.000.000			12.311.000.000
<b>Cộng</b>	<b>18.720.044.620</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>18.720.044.620</b>
Tại ngày cuối năm	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán, phải trả khác	7.827.765.822			7.827.765.822
Chi phí phải trả	32.709.000			32.709.000
Vay và nợ	13.500.000.000			13.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>21.360.474.822</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>21.360.474.822</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

74-L  
GY  
ĐUHA  
N V  
IGIA  
M  
P.H

**CÔNG TY CỔ PHẦN THẺ THAO NGÔI SAO GERU**  
Số 1/1 Tân Kỳ Tân Quý, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**06. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty Cổ phần Thẻ thao Ngôi sao GERU đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA). Một số chi tiêu đã được phân loại và điều chỉnh lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014		Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC	
Mã số	Tên khoản mục	Mã số	Tên khoản mục
<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>			
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn
135	5. Các khoản phải thu khác	136	6. Phải thu ngắn hạn khác
150	V. Tài sản ngắn hạn khác	150	V. Tài sản ngắn hạn khác
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	155	5. Tài sản ngắn hạn khác
417	7. Quỹ đầu tư phát triển	411a	- Có phiếu phát hành có quyền biểu quyết
418	8. Quỹ dự phòng tài chính	418	8. Quỹ đầu tư phát triển
		421a	- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước
		421b	- LNST chưa phân phối kỳ này
			(1.937.807.510)
			1.937.807.510

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỂ THAO NGÔI SAO GERU**

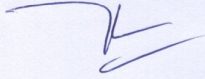
Số 1/1 Tân Kỳ Tân Quý, Q.Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**

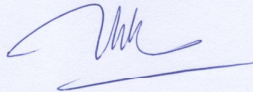
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**07. Phê duyệt Báo cáo tài chính**


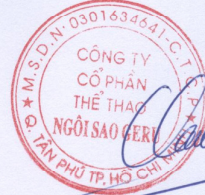
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty Cổ phần Thể thao Ngôi sao GERU được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt để ban hành vào ngày 24 tháng 02 năm 2016.



Người lập biểu  
Võ Trần Thúy Tâm  
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 24 tháng 02 năm 2016



Kế toán trưởng  
Hoàng Thị Bích Thanh



Tổng Giám đốc  
Trần Văn Hạnh

